

UBND XÃ NÀ HỖ
TRƯỜNG PTDTBT TH NÀ HỖ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ tư, ngày 03 tháng 09 năm 2025

TS HS toàn trường		HS bán trú			Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	TS HS bán trú	Có mặt	Vắng mặt				
		396	396	Có lý do	35.000	13.860.000	338.243	
				Không có lý do	-			

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Chi chủ (tên món ăn)	
1												
2	396											
3												
Cộng sáng												
1			Gạo	Kg	79,2							
2	396	Trưa (Giờ ăn:)	Thịt gà rang gừng	Kg	63,6	95.000	6.043.500					
3			- Bì đỏ (su su) xào; canh bí đỏ	Kg	45,7	15.000	686.053					
4												
Cộng trưa												
1			Gạo	Kg	79,2							
2			Cà rốt phi rán sốt cà chua (hoặc khò)	Kg	59,9	85.000	5.095.500					
3	396	Tối (Giờ ăn:)	Cà chua	Kg	10,8	20.000	215.455					
5			Rau cải xào, canh rau cải	Kg	32,9	15.000	493.750					
6			Hoa quả trắng miêng	Kg	52,0	19.000	987.500					
Cộng tối												
							6.729.553					